

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04 – 4 – 2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh

2. Bà Võ Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Văn U, sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 549, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Võ Thị Kim Thủy M, sinh năm 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn U trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn U và bà Võ Thị Kim Thủy M kết hôn năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã t, huyện b, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 06/8/2009. Hôn nhân giữa ông U và bà Thủy M được xây dựng trên cơ sở tự tình hữu.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nguyên nhân là do bà Thủy M không có trách nhiệm, không quan tâm đến công việc làm ăn gia đình, không giữ được nguồn tích lũy do ông

U làm ra, gây thất thoát tiền bạc, nợ nần chồng chất khiến ông U vô cùng bức xúc. Do không muốn quan hệ vợ chồng bị đổ vỡ, ông U có khuyên bà Thủy M cùng ông U kết hợp làm ăn, xây dựng gia đình hạnh phúc và tương lai các con, nhưng bà Thủy M không nghe khiến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, hôn nhân không còn hạnh phúc. Tuy sống chung một nhà nhưng việc ai nấy làm, hạn chế tiếp xúc và vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay.

Nay ông Nguyễn Văn U yêu cầu ly hôn với bà Võ Thị Kim Thủy M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hạnh Y, sinh ngày 26/6/1997 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 05/5/2003. Hiện nay, 02 con chung đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Võ Thị Kim Thủy M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Thủy M thống nhất, bà và ông U kết hôn năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 06/8/2009. Hôn nhân giữa ông bà được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do ông U có quan hệ ngoại tình, bà Thủy M có khuyên ngăn và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hàn gắn được, giữa vợ chồng còn hay xảy ra cự cãi và ông U có hành vi đánh bà Thủy M. Tuy sống chung một nhà nhưng việc ai nấy làm, hạn chế tiếp xúc và vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay. Khoảng thời gian sống xa nhau vợ chồng không tìm cách hàn gắn tình cảm.

Nay bà Võ Thị Kim Thủy M nhận thấy vẫn còn tình cảm với ông U nên bà không đồng ý ly hôn để bà và ông U có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hạnh Y, sinh ngày 26/6/1997 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 05/5/2003. Hiện nay, 02 con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn U và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn. Bị đơn bà Võ Thị Kim Thủy M có địa chỉ tại xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của ông Nguyễn Văn U và bà Võ Thị Kim Thủy M được xác lập vào năm 1997, do ông bà tự nguyện và thừa nhận, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 06/8/2009 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không hàn gắn tình cảm được, ông U trình bày do bà Thủy M không có trách nhiệm, không quan tâm đến công việc làm ăn gia đình, không giữ được nguồn tích lũy do ông U làm ra, gây thất thoát tiền bạc, nợ nần chồng chất khiến ông U vô cùng bức xúc, đối với bà Thủy M thì thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn nhưng nguyên nhân là do ông U có quan hệ ngoại tình, bà Thủy M có khuyên ngăn và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hàn gắn được, giữa vợ chồng còn hay xảy ra cự cãi và ông U có hành vi đánh bà Thủy M. Tại phiên tòa, ông U vẫn giữ yêu cầu ly hôn với bà Thủy M, đối với bà Thủy M thì không đồng ý ly hôn với ông U vì nhận thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa ông U và bà Thủy M có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Tuy nhiên, từ mâu thuẫn nhỏ trong gia đình sẽ ngày một trầm trọng nếu một hoặc cả hai bên không có thiện chí và biện pháp để cùng chỉnh sửa, xây dựng lại hạnh phúc gia đình. Tuy ông U có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng bà Thủy M vẫn cố gắng chịu đựng và tha thiết muốn cho ông U cơ hội quay về với gia đình để vợ chồng hàn gắn tình cảm, xây dựng lại hôn nhân. Điều này cho thấy, hôn nhân giữa ông bà có thể chỉnh sửa lại được, chưa đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân vẫn còn, nên yêu cầu của ông U về việc ly hôn với bà Thủy M là không phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông U đối với bà Thủy M.

Xét con chung: Ông Nguyễn Văn U và bà Võ Thị Kim Thủy M có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hạnh Y, sinh ngày 26/6/1997 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 05/5/2003. Do yêu cầu ly hôn của ông U không được chấp nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết quan hệ con chung của ông U và bà Thủy M.

Xét tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, ông U và bà Thủy M trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; trong quá trình tố tụng, bà Thủy M có yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung với ông U, tuy nhiên, do bà Thủy M không nộp tiền tạm ứng án phí để Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu phản tố của bà theo quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp thì bà Thủy M có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Ông U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều

39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn U về việc yêu cầu được ly hôn với bà Võ Thị Kim Thủy M.

Về con chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001284 ngày 03/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; như vậy ông U đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CCTHADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã t, Huyện B, Đồng Tháp
(Số ĐKKH: 213, ngày 06/8/2009);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Xuân Nữ

